

Số: 109/TB-BVTT

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Tâm thần có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2025, với nội dung cụ thể như sau.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tâm thần

- Địa chỉ: Cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông : Bùi Văn Khánh Chức vụ: Trưởng phòng Vật Tư TBYT & CNTT

- Điện thoại: 0225.3246117

- Email: phongvttbytbtthp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư TBYT&CNTT, Bệnh viện Tâm thần - Cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

- Nhận qua email: phongvttbytbtthp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ 10h00 ngày 03 tháng 02 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 12 tháng 02 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
I	Mua sắm hóa chất xét nghiệm sinh hóa			
1	GOT	L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0.18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2000	MI
2	GPT	A. Reagent A: L-Alanine 500 mmol/l B. Reagent B: NADH 0.18 mmol/l LDH ≥ 1.5 U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2000	MI
3	GGT	Tris buffer 100 mmol/l; pH 8.5 L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide > 2.9 mmol/l glycylglycine 100 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1800	MI
4	UREA-UV	A. Reagent A: Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7.5 mmol/l Urease (Jack bean) $\geq 5,000$ U/l GLDH (microbial) ≥ 800 U/l B. Reagent B: NADH 0.28 mmol/l Độ tái lập (Inter-assay precision): $CV \leq 2.36\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2000	MI
5	URIC ACID	A. Reagent A: 3,5-dichlorohydroxybenzene sulfonic acid, sodium salt (DHS) 2.0 mmol/l B. Reagent B: UOD > 200 U/l POD > 1000 U/l 4-AP 0.10 mmol/l Potassium ferrocyanide 6 μ mol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1000	MI
6	CREATININE	A. Reagent A: 12.7 mmol/l picric acid 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. B. Reagent B: 53 mmol/l borate 970 mmol/l sodium hydroxide solution. Giới hạn phát hiện: ≤ 4.5 mg/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2000	MI
7	CALCIUM	A. Reagent A: 100 mg/l arsenazo III 1.4 g/l 8-hydroxyquinoline sulphonate in 100 mM Tris buffer, pH 8.5. S. Standard*: 10 mg/dl calcium solution Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1600	MI

8	BILIRUBIN DIRECT	A. Reagent A: 17 mmol/l hy- drochloric acid. B. Reagent B: 0.4 mmol/l di-chlorophenyldiazonium salt 17 mmol/l hydrochloric acid. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1440	MI
9	BILIRUBIN TOTAL	A. Reagent A: 150 mmol/l hydrochloric acid and surfactant. B. Reagent B: 1.5 mmol/l dichlorophenyldiazonium salt 150 mmol/l hydrochloric acid Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1440	MI
10	PROTEIN TOTAL	13 mmol/l EDTA/Cu complex 875 mmol/l Sodium hydroxide and alkyl aryl polyether (AAP). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	720	MI
11	Bộ kiểm chuẩn đa giá trị sinh hóa	Mức kiểm soát 1: lọ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc bình thường/bệnh lý ngưỡng của chất chuyển hóa và enzym. Mức kiểm soát 2: lọ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	90	MI
II	Mua sắm hóa chất Erba			
01	HDL-C	R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l; MgCl ₂ 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Detergent 0.5 %	1280	MI
02	LDL-C	R1: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Polyvinylsulfonic acid 50 mg/l; Polyethyleneglycolmethylester 30 ml/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l Detergent R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l	1280	MI
03	GLUCOSE	R1: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l	1760	MI

04	CHOLESTEROL	Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần: R1: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase ≥ 200 U/l; Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3 KU/l	1760	MI
05	TRIGLYCERIDES	R1: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l; 4-Chlorophenol 4 mmol/l; Mg 2+ 15 mmol/l; ATP 2 mmol/l; Glycerolkinase ≥ 0.4 KU/l; Peroxidase ≥ 2.0 KU/l; Lipoproteinlipase ≥ 2.0 KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0.5 KU/l; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l	1760	MI
III Mua sắm hóa chất xét nghiệm huyết học				
1	Hóa chất rửa máy huyết học	"Dung dịch rửa có hiệu quả làm sạch các mảnh vụn tế bào, protein và triglyceride. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Chai ≥ 1 lít"	3	Chai
2	Dung dịch pha loãng	"Dung dịch pha loãng cho máy huyết học Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Thùng ≥ 10 lít"	1	Thùng
3	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy đếm số lượng bạch cầu, xác định các thành phần bạch cầu và giải phóng hemoglobin.	"Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy đếm số lượng bạch cầu, xác định các thành phần bạch cầu và giải phóng hemoglobin. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Hộp ≥ 1 lít"	1	Hộp
4	Hóa chất điện giải	Sử dụng để định lượng nồng độ Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺) và Clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh người, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na ⁺ ; 4.0 mmol/L K ⁺ ; 125.0 mmol/L; Cl ⁻ 125 mmol/L; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na ⁺ ; 16.0 mmol/L K ⁺ ; 41.0 mmol/L Cl ⁻ ; Buffer Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Hộp: 800ml/hộp	4	Hộp
5	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy, thành phần gồm: -1 chai Daily Cleaner Diluent 90 ml, HCl 0,1N; muối -6 chai pepsin Hộp: 1 lọ Rinse 90ml + 6 lọ Pepsin	1	Hộp
6	Dung dịch kiểm chuẩn	Dung dịch kiểm chuẩn test Na, K, Cl, Li, Ca, pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường Gồm muối, chất đệm, albumin lợn, chất bảo quản. Hộp: 2x10ml	2	Hộp

7	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học, nước tiểu	"Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học, Bảo bảo ở 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite 5% Hộp 50mL"	1	Hộp
8	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy phân tích huyết học	Công dụng: Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy phân tích huyết học Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 Thành phần: Sodium Chloride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l Thùng 20 lít"	14	Thùng
9	Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu	Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l Chai 500ml"	15	Chai
10	Nội kiểm máy huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485. Đóng gói hộp 3x3 ml	4	Hộp
11	Que thử chuẩn máy xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu.	2	Hộp
12	Que thử chuẩn âm tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea	2	Hộp
IV Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm				
1	Test phát hiện kháng thể HIV-1 và HIV-2	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sinh phẩm nằm trong Khuyến cáo Phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương	1700	Test
2	Test định tính HBSAg	Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$; Giới hạn phát hiện ≥ 0.1 IU/ml. Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.	2700	Test
3	Test thử ma túy 4 chân	"Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, cộng hợp AMP-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA, cộng hợp THC-BSA 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml	100	Test
4	Que thử nước tiểu 10TS	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leuk°Cyte, SG.	5000	Test

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa giao tại Bệnh viện tâm thần (địa chỉ: Cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán bằng phương thức chuyển khoản.
- Bên mua thanh toán cho bên bán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản vào tài khoản do bên bán cung cấp sau khi bên mua nhận được hàng hóa và hóa đơn tài chính hợp lệ của bên bán.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Đoàn Hồng Quang